



Phụ lục
BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
Nguồn vốn: Nguồn tiết kiệm chi ngân sách thành phố năm 2024 và nguồn vốn ngân sách trung ương thường vượt dự toán thu và đầu tư trở lại cho địa phương
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **68** /NQ-HĐND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi được giao bổ sung	Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số QĐ chủ trương; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư		Số QĐ phê duyệt DA; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư							
						Tổng số	Tr.đó: NSTW		Tổng số	Tr.đó: NSTW						
	TỔNG CỘNG					3.934.510	2.000.000	0	3.934.497	2.000.000	2.518.527	140.553	2.659.080			
A	Nguồn Ngân sách trung ương thường vượt dự toán thu và đầu tư trở lại cho địa phương theo quy định tại Nghị quyết số 38/2021/NQ-QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội					3.496.000	2.000.000		3.496.000	2.000.000	2.330.883	100.500	2.431.383			
I	Giao thông					3.496.000	2.000.000		3.496.000	2.000.000	2.330.883	100.500	2.431.383			
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					3.496.000	2.000.000		3.496.000	2.000.000	2.330.883	100.500	2.431.383			
1	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thừa Thiên Huế và cầu qua cửa Thuận An	PD-PL	2021-2026	84,9km	172 ngày 23/12/2020 57 ngày 16/7/2021; 118 ngày 08/12/2023	3.496.000	2.000.000	2012 ngày 16/8/2021; 1000 ngày 25/4/2022; 2949 ngày 14/12/2023	3.496.000	2.000.000	2.330.883	100.500	2.431.383	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông		
B	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách thành phố năm 2024 chi hoàn ứng cho Quỹ Phát triển đất thành phố Huế tương ứng với số vốn đã ứng để thực hiện các dự án quan trọng (Phương án đã được thông qua tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 20/6/2025)					438.510	0		438.497	0	187.644	40.053	227.697			
I	Công trình công cộng					438.510	0	0	438.497	0	187.644	40.053	227.697			
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 5)	Huế	2019-2025	9,24 ha (380 lô)	45 ngày 10/12/2019 2251 ngày 16/9/2022	115.252		821 ngày 26/3/2020 1752 ngày 17/7/2020	115.239		40.062	10.396	50.458	Ban QLDA ĐTXD khu vực thành phố Huế (Nay là Ban QLDA ĐTXD khu vực 1)		
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 6)	Huế	2019-2025	9,67 ha (432 lô)	46 ngày 10/12/2019 2252 ngày 16/9/2022	127.371		767 ngày 23/3/2020 2829 ngày 22/11/2022	127.371		39.900	13.000	52.900	Ban QLDA ĐTXD khu vực thành phố Huế (Nay là Ban QLDA ĐTXD khu vực 1)		
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 7)	Huế	2019-2025	9,29 ha (420 lô)	47 ngày 10/12/2019 2253 ngày 16/9/2022	119.972		768 ngày 23/3/2020 2827 ngày 22/11/2022	119.972		38.182	14.000	52.182	Ban QLDA ĐTXD khu vực thành phố Huế (Nay là Ban QLDA ĐTXD khu vực 1)		
4	Hạ tầng kỹ thuật khu đất CX7 thuộc khu A – đô thị mới An Vân Dương	Huế	2020-2025	4,62ha	61 ngày 19/6/2020 42 ngày 03/6/2022	75.915		2432 ngày 18/9/2020 1229 ngày 24/5/2021 2635 ngày 01/11/2022	75.915		69.500	2.657	72.157	Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế		